

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/DS-PT
Ngày 17 - 02 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự mua
bán tài sản và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Chon
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 322/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Phan Văn Mè E, sinh năm 1975 (có mặt)
 2. Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1979 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1946 (vắng mặt).
 2. ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1931 (đã chết).
- Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ1:

1. Bà Nguyễn Thị K (con ông Đ1).
2. Ông Nguyễn Văn Q (con ông Đ1).
3. Bà Nguyễn Thị D (con ông Đ1).

4. Bà Nguyễn Thị N (con ông Đ1).
5. Ông Nguyễn Hoàng Á (con ông Đ1).
6. Bà Nguyễn Thị H (con ông Đ1).
7. Bà Nguyễn Thị H1 (con ông Đ1).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang (đều vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lý Văn P, sinh năm 1972 (vắng mặt);
2. Bà Nguyễn Thị Út M1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phan Văn Mè E, bà Nguyễn Thị Hồng M.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Phan Văn Mè E, bà Nguyễn Thị Hồng M trình bày:*

Vào năm 2012 vợ chồng ông Đ1 và bà Đ có đến cửa hàng của vợ chồng ông bà để mua vật tư nông nghiệp, thức ăn tôm và thuốc nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 số nợ đã thiếu là 294.055.000 đồng, vợ chồng ông bà có đến nhà ông Đ1, bà Đ nhiều lần để nhắc nợ nhưng vẫn cứ hứa hẹn mà không trả số trên.

Ngày 14/12/2004 âm lịch (al) tại nhà ông P, bà Út M1 do ông Mè E có hỏi vay dùm cho bà Đ 06 chỉ vàng 24k loại 98% của vợ chồng ông Lý Văn P, bà Nguyễn Thị Út M1 để cho bà Đ nhận. Lãi suất thỏa thuận là 03 lai (tức 06 chỉ vàng gốc tính lãi suất 01 năm bằng 02 chỉ 1 phân 06 ly). Vợ chồng ông P, bà Út M1 đưa 06 chỉ vàng cho bà Trần Thị Đ tại nhà ông P. Ông bà xác định ông Mè E là người lãnh nợ nên giữa ông Mè E với bà Đ và vợ chồng ông P, bà Út M1 thống nhất thỏa thuận ông Mè E là người chịu trách nhiệm sau này thanh toán toàn bộ số nợ 06 chỉ vàng 24k và lãi cho ông P, bà M1. Còn vợ chồng bà Đ có trách nhiệm trả nợ lại cho ông Mè E 06 chỉ vàng 24K gốc và lãi. Hiện nay vợ chồng ông bà đã thanh toán đầy đủ vốn 06 chỉ vốn và lãi hơn 32 chỉ vàng 24K cho vợ chồng ông P, bà Út M1.

Việc thỏa thuận về trách nhiệm trả nợ nêu trên không có thỏa thuận bằng văn bản nhưng đến ngày 09/6/2008 al ông Mè E viết biên nhận cho ông Nguyễn Văn Đ1 ký tên vào biên nhận nợ trên. Số vàng gốc là 06 chỉ đến năm 2012 bà Đ có trả cho ông 01 chỉ, năm 2014 ông Á (con bà Đ) có trả cho ông 0 chỉ, còn nợ lại là 04 chỉ vàng gốc.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vật tư và thức ăn nuôi tôm là 294.055.000 đồng và tiền vàng là 190.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả số tiền thiếu

vật tư và thức ăn, thuốc thủy hải sản là 294.055.000 đồng và 38 chỉ vàng 24K (trong đó 04 chỉ vàng 24K vàng gốc và 34 chỉ vàng 24K vàng lãi). Đối với các con ông Đ1 thì không yêu cầu liên đới trả nợ.

** Bị đơn bà Trần Thị Đ vắng mặt nên không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.*

** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ1 (đã chết): Nguyễn Thị K, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Á1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn P, bà Nguyễn Thị Út M1 vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.*

Tại bản án sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1- Không chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn Mè E, bà Nguyễn Thị Hồng M đối với bị đơn bà Trần Thị Đ về số tiền mua bán vật tư còn thiếu là 294.055.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Mè E, bà Nguyễn Thị Hồng M đối với bị đơn bà Trần Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bị đơn bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả số vàng còn thiếu nợ gốc là 04 (Bốn) chỉ vàng 24k loại vàng loại 98%. Không chấp nhận về yêu cầu lãi suất vàng vay đối với bị đơn bà Trần Thị Đ là 34 chỉ vàng 24k loại vàng 98%.

2- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn Mè E, bà Nguyễn Thị Hồng M về việc buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ1 cùng liên đới trả nợ.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- Ngày 16/7/2024 nguyên đơn ông Phan Văn Mè E và bà Nguyễn Thị Hồng M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử sửa Bản bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang theo hướng xử buộc hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ1 (ông Đ1 đã chết) những người còn lại là bà Trần Thị Đ (Đ2) vợ ông Đ1 và các con ông Đ1 gồm Nguyễn Văn Á1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Kiều C liên đới trả cho vợ chồng ông số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 294.055.000 đồng và 38 chỉ vàng 24K loại 98%.

- Ngày 22/7/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang có Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh

Thuận, tỉnh Kiên Giang, theo hướng tính lại giá vàng theo yêu cầu của đương sự để tính án phí cho cho các đương sự phù với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Phan Văn M2 Em giữ nguyên nội dung kháng cáo và anh Mè E xác định lại loại vàng 24K hiện tại vàng thường là loại 99,5% để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang xin rút lại một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận kháng nghị bản án sơ thẩm và cho rằng cấp sơ thẩm tính lại giá vàng để tính án phí cho đương sự là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Nay đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm xác định cấp sơ thẩm giải quyết không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên xin rút lại nội dung này.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Chấp nhận một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Sửa Bản án sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang theo hướng tính lại giá vàng theo yêu cầu của đương sự để tính án phí cho cho các đương sự phù với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn M2 Em về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Xét thấy nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bà M vắng mặt thì bị coi như bà M từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng M.

[1] Xét về nội dung:

Nguyên đơn ông Phan Văn Mè E, bà M yêu cầu bị đơn bà Đ, ông Đ1 phải trả số tiền mua vật tư nông nghiệp, thức ăn tôm và thuốc nuôi trồng thủy sản còn thiếu là 294.055.000 đồng.

Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn vợ chồng ông Mè E, bà Hồng M cung cấp. Hội đồng xét xử nhận thấy việc các bên mua bán với nhau không có làm hợp đồng mua bán, khi bán hàng nguyên đơn có lập sổ theo dõi bán hàng hóa có thể hiện số lượng hàng hóa được bán từng lần, giá tiền, công nợ nhưng không có chữ ký xác nhận của người mua là vợ chồng bà Đ, ông Đ1 khi mỗi lần mua hàng cũng như cuối năm cũng không có tất toán nợ, xác nhận công nợ giữa hai bên với nhau.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn còn cho rằng anh Ấ1 là con của bà Đ, ông Đ1 là người đại diện gia đình phía bị đơn bà Đ, ông Đ1 đứng ra mua hàng của nguyên đơn với số tiền là 281.875.000 đồng, ông Đ1 mua là 12.180.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 294.055.000 đồng nhưng nguyên đơn khẳng định không khởi kiện yêu cầu gì đối với anh Ấ1, vì nguyên đơn cho rằng nghĩa vụ chính là của vợ chồng ông Đ1, bà Đ. Bị đơn không đồng ý mà cho rằng nợ này là của riêng anh Ấ1. Ông Đ1, bà Đ có thừa nhận biết việc anh Ấ1 mua hàng hóa còn thiếu tiền nhưng không biết bao nhiêu nhưng ông bà cho rằng ông bà không có trách nhiệm trả nợ riêng cho anh Ấ1, vì đất ông bà đã cho anh Ất M3 sử dụng canh tác có thu nhập riêng để cưới vợ.

Tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Đương sự có yêu cầu Toà án bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Toà án tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Như vậy nguyên đơn yêu cầu buộc bà Đ, ông Đ1 và anh Ấ1 trả tiền mua vật tư thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản số tiền là 294.055.000 đồng là chưa đủ cơ sở để chấp nhận. Do khi thực hiện giao dịch các đương sự không xác lập hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, quá trình mua bán có ghi sổ theo dõi bên phía nguyên đơn không có chữ ký xác nhận của bị đơn vợ chồng ông Đ1, bà Đ. Nay có tranh chấp bị đơn không thừa nhận. Theo đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn ông Mè E và bà M là có căn cứ.

[3]. Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Đ phải thanh toán số vàng vay gốc và lãi là 38 chỉ vàng 24k loại 98% (trong đó gốc 04 chỉ vàng, nợ lãi là 34 chỉ vàng).

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 04 chỉ vàng gốc 24k loại 98%. Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp 01 giấy biên nhận nợ của ông Đ1, bà Đ ngày 09/6/2008 al có chữ ký tên của ông Nguyễn Văn Đ1 thể hiện nội dung “....vợ chồng tôi, con cái trong gia đình có thừa nhận cháu Phan Văn M2 Em đi hỏi dùm 06 chỉ vàng 24k vào ngày 14/12/2004 al đến nay ngày 14/6/2008 là bốn mươi ba tháng; lãi suất một

tháng là một phân tám, trong sáu chỉ tính ra lời là 07 chỉ, 07 phân; tổng cộng vốn và lời là mười ba chỉ bảy phân. Nhờ cháu M2 Em xuất ra số vàng nói trên mời ba chỉ bảy phân để trả cho gia đình tôi tính từ ngày 14/6/2008 trở lên số vàng này xuất ra thuộc về Mè Em... ”, biên nhận nêu trên có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn Đ1 (BL 47,48).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Mè E xác định số vàng vay gốc là 06 chỉ 24k là được vay vào ngày 13/12/2004 nguyên đơn cho rằng bị đơn đã trả được 02 chỉ vàng cụ thể ngày 14/12/2012 trả 01 chỉ vàng gốc và ngày 03/12/2014 tiếp tục trả 01 chỉ vàng gốc; xác định chỉ còn nợ lại 04 chỉ vàng 24k vàng gốc.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2023 của bà Trần Thị Đ xác định bị đơn bà Đ không qua nhà vợ chồng ông P để hỏi vàng vay, không thừa nhận có nghĩa vụ với ông Mè E về số vàng đã nhận tại nhà ông P, bà M1 tại ấp B, xã V, huyện V để nhận 06 chỉ vàng của vợ chồng ông P, bà M1. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ lấy lời khai thì ông Đ1 thừa nhận chữ ký trên biên nhận nợ ngày 09/6/2008 là của ông Đ1 ký tên; bà Đ cũng xác nhận đúng là chữ ký của ông Đ1 nhưng không thừa nhận nội dung vì cho rằng ông Đ1 khi ký không xem nội dung mà nghĩ rằng ký hóa đơn giao hàng. Lời trình bày này của bị đơn bà Đ là không có cơ sở vì khi ông Đ1 ký tên thì phải có nghĩa vụ kiểm tra lại nội dung rồi mới ký và đã thống nhất nội dung trong biên nhận thì mới ký tên xác nhận. Lời khai nại của bị đơn bà Đ tại biên bản lấy lời khai của Tòa án cho rằng không có đọc nội dung văn bản giấy tờ mà ký tên xác nhận vào đó là không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Xét thấy, ông Mè E là người nhận bảo lãnh cho bị đơn và ông Mè E cũng đã thanh toán xong số vàng cho vợ chồng ông P, bà M1 và làm biên nhận nợ cho ông Đ1 ký tên. Nay ông Mè E yêu cầu bị đơn trả lại số vàng vay là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, xét lời trình bày ông Mè E là phù hợp với lời trình bày của vợ chồng ông P về nội dung vào ngày 10/12/2004 tại nhà của ông bà có cho ông Mè E vay 06 chỉ vàng 24k, lãi là 03 phân vàng/tháng. Khi ông Mè E đến có đi chung 01 người phụ nữ ông Mè E gọi là bác vợ, ông Mè E nói hỏi dùm người phụ nữ đó nhưng ông Mè E chịu trách nhiệm trả ông P, bà M1; ông P là người trực tiếp đưa vàng cho ông Mè E còn sau đó ông Mè E thỏa thuận gì với người phụ nữ đó thì ông không biết. Hiện tại ông Mè E đã trả đủ cho ông 06 chỉ vàng 24k, không nhớ năm nào nên ông không có tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Như vậy, việc ông Đ1 ký tên trong giấy biên nhận nợ ngày 09/6/2008 là và có trả được 02 lần số vàng 02 chỉ 24k cho ông Mè E vào các năm 2012 và 2014 nên có căn cứ để xác định đây là khoản nợ vợ chồng ông Đ1, bà Đ còn thiếu. Nay ông Đ1 chết, ông Mè E chỉ yêu cầu bị đơn bà Đ trả nợ, không yêu cầu gì đối với các con ông Đ1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Đ1.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tính tiền lãi vàng vay là 34 chỉ vàng 24k loại 99,5%:

Hội đồng xét xử nhận thấy theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 xác định lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố đối với loại cho vay tương ứng. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ; theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định lãi suất vay do các bên thỏa thuận, trong trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự chỉ quy định lãi suất đối với tiền, còn đối với vàng (vật) thì chưa có quy định nào liên quan. Năm 1992, thống đốc Ngân hàng N1 ra Quyết định công bố mức lãi suất cho vay đối với vàng tối đa là 7%/năm. Ngày 19/6/1997, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Bộ T ban hành Thông tư liên tịch số 01/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC, hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản. Tại khoản 5, mục I của Thông tư hướng dẫn “Trong trường hợp đối tượng hợp đồng vay tài sản là vàng, thì lãi suất chỉ được chấp nhận khi Ngân hàng N1 có quy định và cách tính lãi suất không phân biệt như các trường hợp đã nêu tại khoản 4 trên đây, mà chỉ tính bằng mức lãi suất do Ngân hàng N1 quy định”. Từ năm 2000, thống đốc Ngân hàng N1 đã hủy bỏ Quyết định năm 1992, từ đó đến nay không có văn bản nào quy định về mức lãi suất với vàng vay.

Xét biên nhận ngày 09/6/2008 al việc các đương sự thỏa thuận trả lãi suất bằng vàng “lãi suất một tháng là một phân tám”. Nay hai bên xảy ra tranh chấp nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi là 34 chỉ vàng 24K loại 98% là chưa phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

Như vậy, việc bị đơn không thực hiện trả nợ đối với số vàng gốc đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 471 (*quy định về hợp đồng vay tài sản*), Điều 474 (*quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay*) của Bộ luật dân sự 2005. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Đ trả cho nguyên đơn 04 (Bốn) chỉ vàng 24k nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Mè E, bà M xin rút yêu cầu về việc buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Đ1 là các con của ông Đ1 liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng với bà Đ. Theo đó, cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn có phần yêu cầu buộc hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ1 (là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ1) gồm những người còn lại là bà Trần Thị Đ (Đ2) vợ ông Đ1 và các con ông Đ1 gồm Nguyễn Văn Á1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Kiều C liên đới trả cho vợ chồng ông bà số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn thiếu là 294.055.000 đồng và 38 chỉ vàng 24K loại 98%.

Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo này của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đã rút yêu cầu này và cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét. Đối với các nội dung khác trong đơn kháng cáo, tại cấp phúc thẩm nguyên đơn cũng không có cung cấp thêm chứng cứ gì để chứng minh là việc kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn như Hội đồng xét xử đã nhận định ở phần trên.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận cho rằng, cấp sơ thẩm tính giá vàng cao hơn giá vàng đương sự đã thỏa thuận để tính án phí là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang xin rút một phần nội dung kháng nghị về việc cấp sơ thẩm tính giá vàng để tính án phí là không vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy, việc rút một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Ngoài ra trong nội dung kháng nghị có yêu cầu cấp phúc thẩm tính lại giá vàng theo yêu cầu của đương sự để tính án phí cho cho các đương sự phù với quy định của pháp luật. Xét thấy nội dung kháng nghị này của viện kiểm sát là có căn cứ, nên hội đồng xét xử chấp nhận xem xét để tính lại án phí cho các đương sự theo quy định.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn M2 Em xác định khi các bên giao dịch là vàng 24k, vàng thường là loại 98%. Tuy nhiên, hiện nay các tiệm vàng trên thị trường không có sử dụng vàng loại 98% nữa, nên nguyên đơn thống nhất xác định vàng 24k, vàng thường là loại 99,5% để làm căn cứ giải quyết. Xét thấy, việc yêu cầu của nguyên đơn ông M2 Em là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên thống nhất chấp nhận nội dung kháng nghị của viện kiểm sát, chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, không chấp nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn M2 Em, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh

Thuận, tỉnh Kiên Giang theo hướng tính lại giá vàng theo yêu cầu của đương sự để tính án phí cho các đương sự phù với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Đối với giá vàng các đương sự thỏa thuận giá là 5.000.000 đồng/01 chỉ, nhưng cấp sơ thẩm tính giá tại thời điểm xét xử là 7.000.000.000 đồng/01 chỉ để tính án phí là chưa phù hợp, nên cấp phúc thẩm tính lại như sau:

- Nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch phần bị bác yêu cầu trả tiền vật tư nông nghiệp là 294.055.000 đồng và vàng lãi là (34 chỉ vàng 24k loại 99,5% x 5.000.000 đồng = 170.000.000 đồng). Tổng cộng số tiền là 464.055.000 đồng. Vậy tiền án phí được tính như sau: {464.055.000 đồng = [20.000.000 đồng + (64.055.000 đồng x 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng = 2.562.200 đồng)] = 22.562.200 đồng}. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.101.000 đồng theo biên lai thu số 0003995 ngày 04/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Vậy nguyên đơn ông Phan Văn Mè E, bà Nguyễn Thị Hồng M còn phải nộp thêm số tiền là 16.063.200 đồng.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 04 chỉ vàng 24k loại 99,5%. Vậy án phí được tính như sau: {(04 chỉ vàng 24K loại 99,5% x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng) x 5% = 1.000.000 đồng}. Xét thấy, bị đơn bà Đ là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định. Tuy nhiên, bà Đ không có đơn xin miễn án phí nên cấp sơ thẩm không xem xét việc miễn án phí cho bà Đ là phù hợp.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Phan Văn Mè E kháng cáo không được chấp nhận và bà Nguyễn Thị Hồng M kháng cáo Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cấp phúc thẩm đình chỉ nên ông Mè E và bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm mỗi người số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp số tiền là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002255 ngày 16/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (do ông Phan Văn M2 Em nộp).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng M.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn Mè E.

Chấp nhận nội dung kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 22/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Không chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn Mè E, bà Nguyễn Thị Hồng M yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Đ trả số tiền mua bán vật tư còn thiếu là 294.055.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Mè E, bà Nguyễn Thị Hồng M đối với bị đơn bà Trần Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bị đơn bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả số vàng còn thiếu nợ gốc là 04 (Bốn) chỉ vàng 24k loại vàng 99,5% cho ông Phan Văn Mè E và bà Nguyễn Thị Hồng M. Không chấp nhận về yêu cầu lãi suất vàng vay đối với bị đơn bà Trần Thị Đ là 34 chỉ vàng 24k loại vàng 99,5%.

2- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn Mè E, bà Nguyễn Thị Hồng M về việc buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ1 cùng liên đới trả nợ cho nguyên đơn ông Phan Văn Mè E, bà Nguyễn Thị Hồng M.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.562.200 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 12.101.000 đồng (mười hai triệu một trăm lẻ một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003995 ngày 04/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Vậy nguyên đơn ông Phan Văn Mè E, bà Nguyễn Thị Hồng M còn phải nộp thêm số tiền là 16.063.200 đồng (mười sáu triệu không trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm đồng).

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Phan Văn M2 Em phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Hồng M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp số tiền là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002255

ngày 16/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (do ông Phan Văn M2 Em nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Vĩnh Thuận;
- THA dân sự huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên